

quả đấu thầu xây lắp và gia công, chế tạo sản phẩm cơ khí trong nước và các hợp đồng vay vốn trong và ngoài nước bằng kết quả đàm phán chặt chẽ với các đối tác trong nước và nước ngoài.

b) Nguồn vốn đầu tư:

Vay vốn 100% từ nguồn vay trong nước và nước ngoài. Nguồn vay nước ngoài thực hiện theo tinh thần Văn bản số 3494-KTN ngày 27-6-1995 của Thủ tướng Chính phủ.

9. Thời gian xây dựng và thời gian hoàn vốn đầu tư:

- Thời gian chuẩn bị đầu tư 5 tháng kể từ ngày có quyết định đầu tư.
- Thời gian xây dựng 28 tháng.
- Thời gian chạy thử 2 tháng.
- Thời gian hoàn vốn đầu tư khoảng 8 năm 3 tháng kể từ khi sản xuất.

10. Các quy định khác đối với dự án:

- Chủ đầu tư được phép thuê đào tạo chuyên gia công nghệ và thuê chuyên gia chính để cùng điều hành nhà máy, được phép thuê đào tạo cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý và công nhân kỹ thuật ở trong nước và ngoài nước trong tổng mức đầu tư để đủ khả năng tiếp thu chuyên gia công nghệ và tự vận hành nhà máy lâu dài.

- Các hạng mục công trình ngoài hàng rào nhà máy (đường điện từ Ninh Khánh về nhà máy, đường bộ từ Cầu Yên đi cảng Ninh Phúc) thực hiện theo Văn bản số 2378-KTN ngày 19-4-1995 của Thủ tướng Chính phủ (không tính vào tổng mức đầu tư nói trên).

- Chủ đầu tư được phép thuê tổ chức tư vấn trong và ngoài nước để kiểm tra, giám sát thực hiện hợp đồng và nghiệm thu, nhận bàn giao công trình.

Điều 2-. Tổ chức thực hiện.

Các Bộ, ngành Trung ương theo chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm của mình giúp Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Bình và chủ đầu tư thực hiện nghiêm túc các ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành có liên quan, thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với dự án đầu tư.

Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Bình trực tiếp chỉ đạo điều hành, triển khai đầu tư với sự giúp đỡ của các Bộ, ngành Trung ương để bảo đảm mức

đầu tư và tiến độ xây dựng; chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ việc chấp hành quyết định đầu tư dự án.

Điều 3.- Bộ trưởng các Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tư pháp, Xây dựng, Công nghiệp, Giao thông vận tải, Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Thương mại, Quốc phòng, Nội vụ, Ngoại giao; Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chính, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Bình, Giám đốc Công ty Xi măng tỉnh Ninh Bình và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Thủ tướng Chính phủ
VÔ VĂN KIẾT

CÁC BỘ

LIÊN BỘ

TÀI CHÍNH - VĂN HÓA - THÔNG TIN

THÔNG TƯ liên Bộ số 8-TT/LB ngày 31-1-1996 hướng dẫn việc thu và sử dụng tiền phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính trong các hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa.

Căn cứ vào Nghị định số 87-CP ngày 12-12-1995 của Chính phủ về tăng cường quản lý các hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa, đây mạnh bài trừ một số tệ nạn xã hội nghiêm trọng;

Căn cứ vào Nghị định số 88-CP ngày 14-12-1995 của Chính phủ về quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa và phòng chống một số tệ nạn xã hội, đây mạnh bài trừ một số tệ nạn xã hội nghiêm trọng;

Căn cứ vào Chỉ thị số 814-TTg ngày 12-12-1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường quản lý, thiết lập trật tự kỷ cương trong các hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa, đây mạnh bài trừ một số tệ nạn xã hội nghiêm trọng;

Sau khi trao đổi ý kiến giữa các Bộ, ngành có liên quan, liên Bộ Tài chính - Văn hóa - Thông

tin hướng dẫn việc thu và sử dụng tiền phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động và dịch vụ văn hóa như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Kể từ ngày 1 tháng 2 năm 1996, mọi vi phạm hành chính trong các hoạt động văn hóa đều phải xử phạt hành chính theo Nghị định số 88-CP ngày 14-12-1995 của Chính phủ.

2. Tổ chức, cá nhân đang thi hành công vụ khi xử lý vi phạm phải lập biên bản và ghi biên lai để đối tượng vi phạm nộp tiền phạt vào Kho bạc Nhà nước. Biên lai thu phạt phải do Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) thống nhất phát hành (theo mẫu quy định). Việc quản lý và sử dụng biên lai thu tiền phạt được thực hiện theo chế độ an cư thuế của Bộ Tài chính.

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong các hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa do Bộ Văn hóa - Thông tin thông nhất theo mẫu trong cả nước.

3. Toàn bộ khoản thu về xử phạt các hành vi vi phạm trong hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa phải tập trung vào ngân sách Nhà nước thông qua hệ thống Kho bạc Nhà nước.

Số thu về xử phạt được để lại 100% cho ngân sách địa phương để bổ sung kinh phí chi cho các hoạt động giữ gìn trật tự kỷ cương trong các hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa trên địa bàn của tỉnh và thành phố (kể cả các khoản chi trực tiếp) cho các lực lượng của Trung ương tham gia vào giữ gìn trật tự kỷ cương về hoạt động văn hóa ở địa phương (các tỉnh và thành phố).

4. Ủy ban Nhân dân các cấp chỉ đạo và tạo điều kiện cho Kho bạc Nhà nước tổ chức các điểm thu thích hợp để thực hiện việc thu nộp phạt được nhanh chóng, thuận tiện.

5. Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài vi phạm hành chính trong các hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bị xử phạt tiền có trách nhiệm nộp tiền phạt (bằng tiền Việt Nam) tại nơi quy định được ghi trong quyết định xử phạt.

II. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Nội dung chi để triển khai thực hiện Chỉ thị và Nghị định.

1.1. Ở Trung ương:

Các hoạt động của các Bộ, ngành ở Trung ương nhằm triển khai thực hiện Chỉ thị số 814-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Nghị định số 87-CP ngày 12-12-1995 của Chính phủ là hoạt động thường xuyên, liên tục được cân đối trong kế hoạch chi hàng năm của các Bộ, ngành và thực hiện theo các quy định hiện hành về quản lý tài chính của Nhà nước.

1.2. Ở địa phương:

- Chi cho công tác tổ chức các đội kiểm tra văn hóa của địa phương (thành phố, quận, huyện, thị, phường, xã).

- Chi mua sắm, trang bị phương tiện cho công tác kiểm tra việc lập lại trật tự trong các hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa trên từng địa bàn cụ thể.

- Chi cho công tác học tập, trao đổi nghiệp vụ của các cán bộ trong các đội kiểm tra và xử phạt hành chính, cán bộ chỉ đạo việc thực hiện Chỉ thị và Nghị định của Chính phủ.

- Chi phí cho việc chuyên chở các hiện vật bị thu giữ theo quyết định xử lý vi phạm và chi phí cho việc bảo quản chờ xử lý các hiện vật thu giữ.

- Chi cho các hoạt động tuyên truyền phổ biến việc thực hiện Chỉ thị và Nghị định của Chính phủ lập lại trật tự kỷ cương trong các hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa, bài trừ các loại văn hóa độc hại.

- Chi cho việc in ấn tài liệu để tuyên truyền, kiểm tra và xử lý (theo mẫu thống nhất đã quy định).

- Chi cho Kho bạc Nhà nước theo quy định chung về thu và sử dụng tiền phạt các hành vi vi phạm hành chính.

- Chi bồi dưỡng cho những người làm nhiệm vụ ngoài giờ và những người có thành tích tham gia trong việc tuyên truyền giáo dục, phát hiện và xử lý các vi phạm. Cụ thể:

+ Chi làm đêm, làm thêm giờ vận dụng theo Thông tư số 10-LĐ TBXH/TL ngày 15-4-1995 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

+ Chi thưởng: Mức thưởng tối đa không quá 30% số tiền phạt đối với những vụ việc phức tạp (thưởng cho cả tập thể và cá nhân). Những người có thành tích liên tục trong năm tham gia vào công tác phòng, chống, phát hiện, xử lý v.v... có thể xét thưởng cho cả năm, nhưng mức thưởng tối đa không quá 200.000 đồng bình quân cho 1 tháng.

- Chi công tác phí (nếu có) theo chế độ hiện hành của Bộ Tài chính.

- Chi khác phát sinh phục vụ cho hoạt động thực hiện Nghị định của Chính phủ về lập lại trật tự văn hóa, mà chưa có trong các nội dung chi nêu ở trên, nhưng việc chi phải trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền duyệt và phải thực hiện đúng chế độ chi tiêu và quản lý tài chính hiện hành.

2. Lập dự toán chi và cấp phát kinh phí.

2.1. Căn cứ vào nội dung quy định ở điểm 1 phần II, các Bộ, ngành, các đơn vị được giao nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh, thành phố lập dự toán chi gửi cơ quan Tài chính cùng cấp xét duyệt và cấp phát kinh phí cho hoạt động từng tháng, quý.

2.2. Sở Văn hóa - Thông tin phối hợp với Sở Tài chính Vật giá căn cứ vào số thu về xử phạt và số chi theo nội dung quy định ở trên để cân đối kế hoạch thu chi, đảm bảo thu đúng, thu đủ, cấp phát kinh phí, quản lý việc sử dụng kinh phí đúng mục đích, chế độ quy định và thực hiện duyệt quyết toán thu chi theo chế độ tài chính hiện hành.

3. Xử phạt và thu phạt.

3.1. Người có thẩm quyền xử phạt các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và các dịch vụ văn hóa phải ra quyết định xử phạt làm cơ sở cho việc thu tiền phạt vào ngân sách. Quyết định xử phạt có 2 loại mẫu. Một loại sử dụng để phạt tiền đến 50.000 đồng, một loại sử dụng để xử phạt trong trường hợp phải lập biên bản vi phạm.

Người có thẩm quyền xử phạt khi ra quyết định xử phạt lập thành 3 bản (một bản giao cho người bị xử phạt, một bản giao cho cơ quan Kho bạc Nhà nước do người bị xử phạt trực tiếp chuyển đến, một bản lưu tại cơ quan Nhà nước của người có thẩm quyền xử phạt). Đối với quyết định phạt tiền từ 2 triệu đồng trở lên phải lập thêm một bản quyết định xử phạt gửi Viện Kiểm sát Nhân dân cùng cấp.

Để bảo đảm việc thi hành quyết định xử phạt, người bị xử phạt phải nộp cho cơ quan có thẩm quyền xử phạt giấy tờ tùy thân hoặc tài sản tương đương với số tiền bị xử phạt cho đến khi người vi phạm nộp đủ tiền phạt vào nơi quy định.

3.2. Kho bạc Nhà nước có thể thực hiện việc ủy quyền thu tiền phạt cho một số đơn vị như: Bưu điện, Thuế, Ngân hàng, nhưng phải đảm bảo nguyên tắc nộp kịp thời số thu về tiền phạt vào Kho bạc Nhà nước. Tiền thanh toán phí ủy quyền thu được trích từ tổng số thu tiền phạt và nằm trong dự toán của Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố được Sở Tài chính duyệt.

3.3. Người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm hướng dẫn người bị xử phạt đến nộp tiền phạt tại các địa điểm thu tiền phạt thuận lợi nhất. Trong một số trường hợp đặc biệt, người bị xử phạt không thể nộp phạt tại các điểm thu phạt trên địa bàn tỉnh, thành phố thì người xử phạt có thể đề nghị được nộp phạt tại bất cứ điểm thu phạt nào của Kho bạc Nhà nước (hoặc do Kho bạc Nhà nước ủy quyền) nhưng phải đảm bảo thời gian tối đa không quá 5 ngày. Kho bạc Nhà nước Trung ương có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra và hướng dẫn việc thu tiền phạt. Khi nộp tiền phạt người bị xử phạt yêu cầu cơ quan Kho bạc Nhà nước (hoặc cơ quan Kho bạc Nhà nước ủy quyền) cấp liên 2 và liên 3 biên lai thu tiền phạt (liên 3 nộp cho cơ quan quyết định phạt để làm căn cứ nhận lại giấy tờ hoặc tài sản).

3.4. Kho bạc Nhà nước thực hiện thu tiền phạt theo quyết định của người có thẩm quyền xử phạt. Trường hợp có khiếu nại và được cơ quan có thẩm quyền giải quyết thì căn cứ vào quyết định giải quyết khiếu nại để cơ quan Kho bạc Nhà nước thu thêm, hoặc trả lại số chênh lệch theo quyết định mới. Định kỳ hàng quý, năm Kho bạc Nhà nước báo cáo quyết toán việc sử dụng biên lai thu tiền phạt với cơ quan Thuế nơi cấp biên lai.

3.5. Định kỳ một tháng 2 lần vào ngày 15 và 30 hàng tháng, Kho bạc Nhà nước và cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt tổng hợp, đối chiếu toàn bộ số tiền thu phạt (cả số đã thu và số chưa nộp) để nắm số tiền thu được, số chưa thu, chưa nộp và những trường hợp cần phải cưỡng chế thi hành.

3.6. Toàn bộ số tiền thu phạt hành chính về vi phạm hành chính trong các hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa được để lại 100% cho ngân sách địa phương và theo dõi riêng để bổ sung vào kinh phí cho công tác đảm bảo lập lại trật tự kỷ cương về văn hóa, bài trừ các loại văn hóa độc hại.

Số tiền thu phạt hành chính về vi phạm trật tự kỷ cương trong lĩnh vực văn hóa và dịch vụ văn

hóa được ghi vào mục lục ngân sách: chương 99, loại 14, khoản 01, hạng 9, mục 47 xử phạt về văn hóa.

3.7. Hàng năm, Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ Nội vụ và các địa phương phải lập dự toán kinh phí cho việc hoạt động lập lại trật tự kỷ cương về văn hóa, chống các tệ nạn xã hội có liên quan đến hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa, đồng thời trong kế hoạch ngân sách của Bộ, ngành gửi Bộ Tài chính để làm căn cứ lập dự toán ngân sách Nhà nước.

III. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC VÀ NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN XỬ PHẠT TRONG VIỆC XỬ LÝ VÀ THU TIỀN PHẠT

1. Người có thẩm quyền xử phạt khi xử lý các hành vi vi phạm phải căn cứ vào mức phạt cụ thể quy định tại Nghị định số 88-CP ngày 14-12-1995 của Chính phủ để quyết định đúng mức phạt, đồng thời hướng dẫn người bị xử phạt thực hiện quyết định xử phạt đúng quy định, nếu người bị phạt không chấp hành quyết định xử phạt (kéo dài thời gian nộp tiền, nộp không đủ, không nộp) thì người có thẩm quyền xử phạt có quyền ra quyết định cưỡng chế và có nhiệm vụ tổ chức việc cưỡng chế theo Điều 55 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

2. Kho bạc Nhà nước Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn nghiệp vụ và hạch toán thu tiền phạt phù hợp với các quy định trên đây. Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức các bàn thu tiền để thu kịp thời tiền phạt cho Nhà nước và đảm bảo toàn bộ số thu tiền phạt được cập nhật và theo dõi thường xuyên theo chế độ quản lý tài chính của Nhà nước.

3. Sở Tài chính Vật giá các tỉnh, thành phố có trách nhiệm phối hợp với cơ quan Thuế, cơ quan Kho bạc Nhà nước kiểm tra, giám sát việc thu tiền phạt và sử dụng tiền phạt theo đúng quy định.

4. Nghiêm cấm mọi hành vi lợi dụng nhiệm vụ được giao để thu tiền phạt mà không có quyết định xử phạt, không ghi biên lai hoặc giả mạo biên lai thu tiền phạt. Người có thẩm quyền xử phạt không được sách nhiễu, dung túng, bao che, không xử phạt hoặc xử phạt không kịp thời,

không đúng mức. Người lạm dụng quyền hạn vi phạm quy định thì tùy mức độ vi phạm của người đó mà xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật hiện hành.

Mọi tổ chức và cá nhân vi phạm các quy định về xử phạt, thu tiền phạt, sử dụng tiền phạt sai nguyên tắc phải chịu trách nhiệm do việc làm sai trái của mình hoặc của đơn vị mình trước pháp luật.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 1996, mọi quy định trước đây trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

2. Đề nghị Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phổ biến rộng rãi và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện đúng các quy định trong Thông tư này.

K.T. Bộ trưởng
Bộ Tài chính
Thủ trưởng
TÀO HỮU PHÙNG

K.T. Bộ trưởng
Bộ Văn hóa - Thông tin
Thủ trưởng
VŨ KHẮC LIÊN

LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI -
TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

THÔNG TƯ liên Bộ số 3-TT/LB ngày 3-2-1996 hướng dẫn bổ sung và sửa đổi về chính sách cho vay đối với các dự án nhỏ giải quyết việc làm theo Nghị quyết số 120 - HĐBT ngày 11-4-1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ).

Thực hiện Nghị quyết số 120-HĐBT ngày 11-4-1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính